Machine Translated by Google

Bảng dữ liệu kỹ thuật

NUKOTE SIL HS

SỰ MIÊU TẢ:

Nukote SIL HS là một loại elastomer silicon một thành phần được thiết kế riêng cho Cool Roof Tope/Base Coats. Đây là một hệ thống lớp phủ silicon đàn hồi nguyên chất có khả năng chống chịu thời tiết và chống tia UV vượt trội trên nhiều loại nền mái. Các tính năng nổi bật của Nukote SIL HS là hàm lượng chất rắn cao, đóng rắn nhanh và các tính chất vật lý vượt trội. Đã được thử nghiệm và chứng nhận đáp ứng các hướng dẫn của Cool Roof Rating Council (CRRC) và EPA về tuân thủ ENERGY STARr.

ĐẶC TRƯNG:

Kéo dài tuổi thọ của mái nhà đồng thời giúp giảm nhiệt độ bên trong và giảm chi phí làm mát

Kỵ nước - chịu được sự xâm nhập của nước

Độ bám dính tuyệt vời với nhiều loại nền và hệ thống mái nhà

Dễ dàng ứng dụng - cực kỳ nhanh chóng và dễ cài đặt

Có thể được sử dụng để gia cố và bịt kín các mối nối, lỗ xuyên thủng và điểm cuối, và sửa chữa tại chỗ

Làm chậm quá trình thoái hóa do thời tiết bình thường, lão hóa và tia cực tím

Tiết kiệm - kéo dài tuổi thọ của mái nhà

Giữ nguyên tính toàn vẹn của nó từ -80 đến 250°F (-62 đến 121 °C)

Cung cấp khả năng chống chịu thời tiết và tia cực tím vượt trội trên nhiều loại nền

mái Đã được thử nghiệm và chứng nhận đáp ứng các hướng dẫn của CRRC và EPA về tuân thủ ENERGY STAR®

Cũng có sẵn ở dạng rắn thể tích thấp (EVER-SILIC LS). Chịu được nước đọng

Gói tăng tốc có sẵn để rút ngắn thời gian bảo dưỡng

Không nứt sau 10.000 giờ

Làm chậm quá trình thoái hóa do thời tiết bình thường, lão hóa và tia UV

Tiết kiệm

Xếp hạng chống cháy UL-790 Lớp “A”

CÁCH SỬ DỤNG ĐIỂN HÌNH:

Nukote SIL HS có thể được áp dụng cho hệ thống mái bê tông, kim loại, bọt polyurethane phun, mái xây sẵn hoặc bitum biến tính, một lớp đã cũ hoặc đã đông cứng.

Có thể được áp dụng như một phần của chương trình bảo trì hoặc sửa chữa hoặc như một phần của Hệ thống mái làm mát.

MÀU SẮC:

Trắng, Xám, Nâu vàng. Các màu tùy chỉnh, pha trộn để phù hợp với bất kỳ số RAL nào, có sẵn theo yêu cầu tùy thuộc vào số lượng tối thiểu.

ĐÓNG GÓI:

Thùng phuy 55 gallon (208,2 lít) Xô 5 gallon (18,93 lít)

PHẠM VI BẢO HIỂM:

Nukote SIL HS có thể được áp dụng ở bất kỳ tỷ lệ nào để đạt được độ dày mong muốn.

Tính toán cho phạm vi phủ lý thuyết: 100 ft2 /gal ở 16 mils (2,4 m^2/lít ở 0,4mm).

2051 Reliance Parkway, Bedford, Texas Hoa Kỳ 76021

1.832.770.7100 / www.nukoteglobal.com

Machine Translated by Google

NUKOTE SIL HS

1 gal. = 16 mils ướt/100 ft vuông.
1,5 gal. = 24 mils ướt/100 ft vuông.
2 gal. = 32 mils ướt / 100 ft vuông.
2,5 gal. = 48 mils ướt / 100 ft vuông.

Hệ thống được đề xuất:

1- Nukote M80 Prime 1 gal/300 ft vuông ((3,79 lít/27,9 m vuông)

2- Nukote SIL HS 1,5 gal/100 ft vuông @ 24 mils ướt (5,68 lít/9,29 m vuông @ 610 micron)

KHO:

12 tháng. Đóng kín thùng chứa và bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh xa nhiệt, tia lửa, ngọn lửa trần, nhiệt độ quá cao và độ ẩm. Bảo quản vật liệu ở nhiệt độ trên 65°F (18°C). Nên phủ nitơ khô lên thùng chứa đã mở trước khi đóng kín lại. Tránh bảo quản xô hoặc phuy trên sàn bê tông. Nên sử dụng pallet gỗ.
Hơi nặng hơn không khí và có thể di chuyển dọc theo mặt đất hoặc có thể di chuyển qua hệ thống thông gió và bắt lửa bằng đèn báo, ngọn lửa khác, tia lửa, lò sưởi, khói, động cơ điện hoặc các nguồn đánh lửa khác ở những vị trí xa điểm xử lý vật liệu. Không bao giờ sử dụng đèn hàn hoặc đèn cắt trên hoặc gần tang trống. Trong trường hợp hỏa hoạn, hãy sử dụng CO2, hơi nước, hóa chất khô hoặc sương mù nước.

DỮ LIỆU KỸ THUẬT (Tất cả các giá trị @ 77 °F / 25 °C)	CHÚNG TA	Hệ mét
Chất rắn theo thể tích (ASTM D2697)	97%	97%
Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (ASTM D2369)	0,4 lb/gallon	40 gam/lít
Phạm vi lý thuyết	1 gal. = 16 mils ướt/100 ft vuông.	3,8 lít = 0,4 mm ướt/9,1 m2.
Trọng lượng riêng của vật liệu (ASTM D792)	10,93 lbs/gallon	1,31 kg/lít
Độ nhớt (ASTM D4878)	8.000-12.000 điểm	8.000-12.000 điểm
Thời hạn sử dụng ở 77 °F /25 °C	12 tháng	12 tháng
Độ bền kéo (ASTM D2370)	300 psi	2,07MPa
Độ giãn dài (ASTM D412-C)	200±15%	200±15%
Độ cứng (ASTM D2240)	45 đến 55 bờ A	45 đến 55 bờ A
Độ linh hoạt (trục 2mm ASTM D522)	Vượt qua	Vượt qua
Độ thấm, US Perms (ASTM E96)	3.6	3.6
Độ phản xạ	88%	88%
Độ phát xạ	91%	91%
Độ bền xé (ASTM D624)	45 nữa	7,88N/mm3
SRI	112	112

2051 Reliance Parkway, Bedford, Texas Hoa Kỳ 76021
1.832.770.7100 / www.nukoteglobal.com

Machine Translated by Google

Thời tiết QUV 10.000 giờ	Không suy thoái

TRỘN:

Nukote SIL HS không được pha loãng trong bất kỳ trường hợp nào. Xem lại tất cả các bảng dữ liệu kỹ thuật, bảng hệ thống, nhãn, hướng dẫn, SDS và Thông số kỹ thuật hướng dẫn trước khi trộn và áp dụng. Ở tốc độ thấp, trộn các thùng phuy 55 gallon (208,2 lít) và xô 5 gallon (18,93 lít) bằng máy khoan tốc độ thay đổi sử dụng máy trộn jiffy để khuấy bất kỳ chất màu nào đã lắng cho đến khi đạt được màu sắc và độ đồng nhất. Thời gian trộn sẽ thay đổi tùy theo nhiệt độ và điều kiện khí quyển.

CHUẨN BỊ BỀ MẶT:

(1) Tháo bỏ tất cả các thiết bị và mảnh vụn không cần thiết và không hoạt động khỏi mái nhà.
(2) Loại bỏ bụi bẩn và vật liệu lạ có hại cho độ bám dính hoặc ứng dụng của mái lợp được phủ chất lỏng bằng cách vệ sinh kỹ lưỡng tất cả các bề mặt mái bằng vòi rửa áp suất cao (2.000 - 2.500) (13,79 MPa - 17,24 MPa). Các bề mặt bị nhiễm dầu, mỡ, mỡ động vật, v.v. phải được loại bỏ bằng tri-natri phosphat và nước hoặc các dung dịch khác theo yêu cầu của điều kiện công việc và theo quy định của địa phương và liên bang. Loại bỏ tất cả các dung dịch vệ sinh bằng nhiều nước sạch và để khô.

(3) Các mối nối kim loại và các lỗi chớp phải được sửa chữa bằng các phương pháp lợp mái truyền thống và chuyên nghiệp. Siết chặt và/hoặc thay thế tất cả các chốt hiện có, lấp đặt dế và hoàn thiện việc sửa chữa tấm kim loại.
(4) Sơn lót tất cả các khu vực rỉ sét không đạt yêu cầu bằng sơn lót chống rỉ sét. Tiếp tục sơn lót các mối nối và tất cả các khu vực chi tiết còn lại bằng sơn lót Nukote M80. Sơn lót tất cả các lỗ xuyên mái, cửa sổ trời, cạnh nghiêng, phần nhô tròn, chân máy, cột biển báo, dây đai dẫn hướng, góc trong và ngoài, máng xối, mối nối, ống, lỗ rỗng, phần nhô ra và bất kỳ khu vực nào mà nước có thể thấm qua mái.
(5) Sử dụng mastic silicon và mastic Polyurethane khi cần thiết.
(6) Để cho mái nhà và các bề mặt đã chuẩn bị khác khô hoàn toàn trước khi tiến hành sơn lót và/hoặc phủ lớp phủ ngoài hiện trường.

Lưu ý: Giá trị độ dày của màng sơn đã đóng rắn là giá trị trung bình và có thể thay đổi tùy theo bề mặt hoàn thiện.

LUÔN KIỂM TRA THỜI TIẾT TRƯỚC KHI SỬ DỤNG. Tùy thuộc vào nhiệt độ môi trường xung quanh và nhiệt độ nền, độ ẩm tương đối và điểm sương, hãy dành thêm thời gian và thận trọng khi áp dụng hệ thống trong vòng 2 đến 6 giờ sau khi mưa và/hoặc khi gặp hoặc dự đoán nhiệt độ thô hoặc đóng băng. Không áp dụng trên vật liệu cách nhiệt ướt hoặc các vật liệu liên quan.

KIỂM TRA TRƯỚC:

Kiểm tra trước mái nhà để sửa chữa cần thiết trước khi áp dụng hệ thống sơn phủ. Kiểm tra phải bao gồm nhưng không giới hạn ở những điều sau: ■
Tấm chắn HVAC

- Nước ao hồ
- Điều kiện tường lan can
- Cách nhiệt ướt hoặc ẩm
- Biển báo hoặc nơi neo đậu hiển thị
- Đường nối, điểm kết thúc, điểm chuyển tiếp và đường viền
- Rò rỉ nước
- Hư hỏng hoặc xuống cấp nền
- Thoát nước/tắc nghẽn thích hợp
- Các tấm ốp và tấm chớp
- Túi ngủ & túi sân

ỨNG DỤNG:

Machine Translated by Google

NUKOTE SIL HS

Trước khi phủ bất kỳ bề mặt nào, hãy đảm bảo lớp phủ sẽ bám dính bằng cách thực hiện thử nghiệm độ bám dính (ASTM D-903). Lớp phủ có thể thi công bằng cọ, rulo hoặc thiết bị phun không khí. LUÔN KIỂM TRA THỜI TIẾT TRƯỚC KHI THI CÔNG. Tùy thuộc vào nhiệt độ môi trường xung quanh và nhiệt độ nền, độ ẩm tương đối và điểm sương, hãy dành thêm thời gian và thận trọng khi thi công lớp phủ trong vòng 2 đến 6 giờ sau khi mưa và/hoặc khi gặp hoặc dự đoán nhiệt độ thô hoặc đóng băng. Không thi công trên lớp cách nhiệt ướt hoặc các vật liệu liên quan. Không nên thi công Nukote SIL HS khi nhiệt độ nền trên 120°F. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa bổ sung khi thi công. Ở những khu vực mái nhà thường xuyên có người đi lại, nên sử dụng miếng đệm lối đi để tăng thêm khả năng bảo vệ và chống trượt.

Nukote SIL HS có thể được áp dụng bằng cách phun, lăn, cọ. Nên sử dụng cọ có nhiều kích cỡ khác nhau và con lăn có lông dài 3/8" (9,52 mm) khi áp dụng trên các bề mặt nhẵn như kim loại.
Thi công Nukote M80 Prime lên bề mặt nền với tỷ lệ phủ lý thuyết là 1/3 gal/100 ft vuông (1,25/9,29 m²) @ 5 mil ướt (127 micron) và để khô. Sau đó, thi công lớp phủ Nukote SIL HS với tỷ lệ 1½ gal/100 ft vuông @ 24 mil ướt (5,68/9,29 m² @ 610 micron) để tạo ra tổng cộng 24 mil ướt (610 micron) độ phủ (yêu cầu tối thiểu để được bảo hành vật liệu trong 10 năm).

Nếu áp dụng độ dày mil cao hơn của Nukote SIL HS, KHÔNG VƯỢT QUÁ 3½ GALLONS TRÊN MỖI VUÔNG (13,27 lít trên 9,29 m2) CHO MỖI LẦN SỬ DỤNG. Điều này có thể gây ra phồng rộp và/hoặc lỗ kim. Cần cẩn thận để tránh chảy xệ, lỗ kim và các đường chạy của lớp phủ trên các bề mặt thẳng đứng, nằm ngang và nghiêng để tránh chảy xệ. Có thể cần điều chỉnh tốc độ thi công nếu lớp phủ bắt đầu chảy xệ trên các bề mặt thẳng đứng hoặc dốc cao hơn. Nếu đã điều chỉnh, hãy để lớp sơn lót và/hoặc lớp sơn phủ khô sau 24 giờ giữa các lớp sơn. Có thể cần thêm các lớp sơn phủ để đạt được độ dày mil yêu cầu. Có thể sử dụng chất tăng tốc cho lớp sơn phủ để thời gian đóng rắn nhanh hơn và để tránh lỗ kim và/hoặc phồng rộp. Tốc độ thi công thực tế cần thiết sẽ phụ thuộc vào hệ thống được chỉ định và thời hạn bảo hành. Nukote SIL LS cũng có sẵn cho ứng dụng rắn thấp. Chất tăng tốc cũng có sẵn cho thời gian đóng rắn nhanh hơn.

Sau khi hoàn tất thi công, không cho phép di chuyển trên bề mặt đã phủ trong thời gian ít nhất 48 giờ ở nhiệt độ 75° F và
Độ ẩm tương đối 50% hoặc cho đến khi đông cứng hoàn toàn.
Nukote SIL HS có thể cực kỳ trơn trượt, đặc biệt là khi ướt. Nếu muốn, hãy cân nhắc sử dụng Accelerator để thời gian đông kết nhanh hơn.

Lưu ý: Không nên phun thuốc ở nhiệt độ dưới 50°F (10°C).

Để tránh các lỗ kim và phồng rộp, không áp dụng Nukote SIL HS trong một lần thi công với tỷ lệ 3,5 gallon cho 100 feet vuông (13,25 lít/9,29M2) ở 56 mils ướt (1422 U). Nếu áp dụng với tỷ lệ thi công cao hơn 3,5 gallon cho 100 feet vuông, có thể sử dụng chất tăng tốc để tránh các lỗ kim và/hoặc phồng rộp.

Thời gian sơn lại cho Nukote SIL HS phụ thuộc vào điều kiện môi trường và độ sạch của bề mặt nền. Nếu thi công sau 48 giờ, nên tiến hành thử độ bám dính (ASTM D903).

Để giảm bớt mùi của Nukote SIL HS xâm nhập vào tòa nhà, có thể lắp đặt Bộ lọc than đen
qua hệ thống hút gió HVAC.

VỆ SINH THIẾT BỊ:

Sản phẩm đã xử lý có thể được thải bỏ mà không bị hạn chế. Các thùng chứa phải được thải bỏ theo luật và quy định về môi trường tại địa phương.

CẢNH BÁO:

Xem lại Bảng dữ liệu an toàn (SDS) và nhãn hộp đựng để biết thông tin chi tiết về sức khỏe và an toàn. Sản phẩm này chỉ dành cho mục đích sử dụng trong công nghiệp bởi những người ứng dụng chuyên nghiệp được đào tạo bài bản.

Machine Translated by Google

NUKOTE SIL HS

BẢO HÀNH VÀ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM:

Nukote Coating Systems International, một công ty tại Nevada, Hoa Kỳ bảo đảm rằng hai thành phần của sản phẩm này sẽ tuân thủ các thông số kỹ thuật được công bố trong tài liệu sản phẩm. Chất lượng và tính phù hợp của sản phẩm phụ thuộc vào việc pha trộn và ứng dụng đúng các thành phần của người ứng dụng. Nukote Coating Systems không có vai trò nào trong việc ứng dụng polyme thành phẩm ngoài việc sản xuất và cung cấp hai thành phần của nó. Điều quan trọng là người ứng dụng sản phẩm này phải hiểu sản phẩm và được đào tạo và cấp chứng chỉ đầy đủ về việc sử dụng nhiều thiết bị thành phần và ứng dụng nhiều vật liệu thành phần. Không có bảo hành nào vượt quá mô tả trên mặt của thiết bị này, ngoại trừ khi được cung cấp dưới dạng văn bản, trực tiếp bởi Nukote Coating Systems International và được thực hiện dưới sự chứng thực của một viên chức công ty.